

Bản án số: 216/2020/HS-ST

Ngày 09-11-2020

NHÂN D

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Nô

Ông Huỳnh Sơn Tây

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 125/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2020/HSST-QĐ ngày 20/7/2020, Quyết định tạm đình chỉ số 02/2020/HSST-QĐ ngày 19/8/2020, Quyết định phục hồi vụ án số 20/2020/HSST-QĐ ngày 26/10/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2020/TA-TB ngày 26/10/2020 đối với các bị cáo:

1. Danh S, sinh năm 1990, tại tỉnh Kiên Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Tổ 3, khu phố 7, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D S1, sinh năm 1966 và bà Thị Đ, sinh năm 1968; có vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1995 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Lê Văn H, sinh năm 1975, tại tỉnh Kiên Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Tổ 3, khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1953 và bà Trần Thị O (đã chết); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị truy nã theo Quyết định truy nã số 23 ngày 03/9/2020 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an thị xã T, đến nay chưa bắt được (vắng mặt).

3. Nguyễn Văn D, sinh năm 1977, tại tỉnh Bến Tre; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Khu phố 5, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Lê Thị E, sinh năm 1968, tại tỉnh Đồng Tháp; hộ khẩu thường trú: Ấp Chòm Xoài, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Khu phố 7, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Lê Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Phạm Vũ L, sinh năm 1988, tại tỉnh Cà Mau; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T; huyện Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Tổ 5, khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P (đã chết) và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1958; có vợ là Võ Thị Tuyết L, sinh năm 1992 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 29/12/2019, Danh S đang ở phòng trọ thì nhìn thấy Lê Văn H và Lê Thị E nên rủ H và E chơi đánh bài sắc-tê thắng thua bằng tiền thì H và E đồng ý. Sau đó, S đi vào phòng trọ của S lấy 01 bộ bài Tây 52 lá. Cả 03 cùng chơi bài ở cuối đường đi trong khu trọ. Khoảng 30 phút sau, Phạm Vũ L và Nguyễn Văn D đi ngang qua khu nhà trọ nhìn thấy nên vào cùng tham gia. S, H, E, L và D chơi đánh bài sắc-tê 06 lá mỗi ván đặt cược 50.000 đồng, người đánh thắng sẽ được chia bài và đánh đầu tiên. Đến khoảng 10 giờ 20 phút Công an phường H tiến hành kiểm tra phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với D S, Nguyễn Văn D, Lê Văn H, Phạm Vũ L và Lê Thị E.

Vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra gồm:

- Số tiền thu giữ trên chiếu bạc 3.000.000 đồng;
- 01 bộ bài Tây đã qua sử dụng;
- 01 chiếc chiếu.
- Số tiền 800.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro màu xám (do Phạm Vũ L giao nộp);
- Số tiền 2.200.000 đồng và 01 điện thoại Nokia màu đen, 01 chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn D (do Nguyễn Văn D giao nộp);

- 01 chứng minh nhân dân mang tên Danh S, 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo A 37 FW màu vàng (do D S giao nộp);
- Số tiền 11.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn H (do Lê Văn H giao nộp).

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận như sau:

- D S khai: Mang theo số tiền 200.000 đồng và sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc. Khi công an bắt quả tang D S thắng số tiền 300.000 đồng, công an thu giữ tại chiếu bạc số tiền 500.000 đồng.

- Nguyễn Văn D khai: Mang theo số tiền 3.000.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc. Khi công an bắt quả tang Nguyễn Văn D thua 100.000 đồng, công an thu giữ tại chiếu bạc số tiền 700.000 đồng, thu giữ trên người số tiền 2.200.000 đồng.

- Lê Văn H khai: Mang theo số tiền 11.500.000 đồng, sử dụng 2.500.000 đồng để đánh bạc. Khi công an bắt quả tang Lê Văn H thua số tiền 400.000 đồng, bị thu giữ trên chiếu bạc 100.000 đồng, thu giữ trên người số tiền 11.000.000 đồng. Trong đó, số tiền 9.000.000 đồng H không dùng để đánh bạc.

- Phạm Vũ L khai: Mang theo số tiền khoảng 1.300.000 đồng, sử dụng khoảng 1.300.000 đồng để đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang Phạm Vũ L thắng số tiền 200.000 đồng, công an thu giữ tại chiếu bạc số tiền 700.000 đồng, thu giữ trên người số tiền 800.000 đồng.

- Lê Thị E khai: Mang theo số tiền 1.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Khi bị công an vào bắt quả tang thì Lê Thị E không thắng không thua, công an thu giữ tại chiếu bạc số tiền 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định tổng số tiền dùng để đánh bạc là 8.000.000 đồng (bao gồm: 3.000.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 2.000.000 đồng trên người của Lê Văn H, 800.000 đồng trên người của Phạm Vũ L, 2.200.000 đồng trên người của Nguyễn Văn D).

Tại bản Cáo trạng số 126/CT-VKS ngày 29/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định: Truy tố các bị cáo Danh S, Lê Văn H, Phạm Vũ L, Nguyễn Văn D và Lê Thị E về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày quan điểm: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như nội dung cáo trạng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội đánh bạc và xử phạt các bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 58; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Danh S từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng (bị cáo có vai trò rủ rờ các bị cáo khác);

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều

51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 06 đến 09 tháng tù do bị cáo có hành vi bỏ trốn và đang bị nã.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn D, Lê Thị E và Phạm Vũ L mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền đánh bạc 8.000.000 đồng; hoàn trả số tiền không dùng để đánh bạc, điện thoại di động và các giấy tờ tùy thân cho các bị cáo; tịch thu tiêu hủy đối với 01 bộ bài Tây (52 lá) và 01 chiếc chiếu là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như trên, không trình bày ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để các bị cáo có điều kiện chấp hành án và làm việc nuôi sống gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Lê Văn H bỏ trốn và bị truy nã nhưng hết thời hạn 01 tháng Cơ quan Điều tra vẫn chưa bắt được bị cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo H theo quy định tại Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo có mặt đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan Điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 29/12/2019, tại khu phố 7, phường H, các bị cáo Danh S, Lê Văn H, Nguyễn Văn D, Lê Thị E, Phạm Vũ L đã có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức “bài sắc-tê 06 lá”. Tổng số tiền dùng vào mục đích đánh bạc là 8.000.000 đồng. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo theo tội D và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng và nếp sống văn minh xã hội. Hiện nay, tình hình đánh bạc được thua bằng tiền đang diễn ra ngày càng nhiều và phức tạp, do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong

nhân dân.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa và trong quá trình điều tra có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Danh S là người dân tộc thiểu số hiểu, bị cáo Lê Thị E có trình độ học vấn thấp (không biết chữ), hiểu biết pháp luật hạn chế nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, không có việc tổ chức, bàn bạc, phân công nhiệm vụ giữa các bị cáo. Các bị cáo Danh S, Lê Văn H, Lê Thị E, Nguyễn Văn D và Phạm Vũ L đều thực hiện tội phạm với vai trò thực hành, tham gia đánh bạc. Trong đó, bị cáo Danh S là người khởi xướng, rủ rê bị cáo E và bị cáo H nhưng số tiền dùng đánh bạc là ít nhất. Trên cơ sở đánh giá toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò đồng phạm và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đánh bạc với số tiền không lớn, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng hình phạt tiền cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung; riêng đối với bị cáo Lê Văn H có hành vi không chấp hành quy định đối với bị cáo được tại ngoại, bỏ trốn và bị truy nã nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để đảm bảo tính răn đe, giáo dục. Bị cáo Lê Thị E có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo sửa lỗi và lao động để chấp hành án.

[7] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Đối với giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, điện thoại di động là giấy tờ tùy thân và tài sản hợp pháp của các bị cáo, không liên quan đến tội phạm nên hoàn trả lại cho các bị cáo. Đối với số tiền đánh bạc 8.000.000 đồng phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với 01 bộ bài Tây (52 lá) và 01 chiếc chiếu cối là công cụ phạm tội phải tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 9.000.000 đồng của bị cáo Lê Văn H qua điều tra xác định được là tiền không dùng để đánh bạc nên hoàn trả cho bị cáo.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội D, biện pháp xử lý vật chứng và hình phạt đối với bị cáo Lê Văn H là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo Danh S, Nguyễn Văn D, Lê Thị E và Phạm Vũ L là nặng so với tính chất, mức độ hành vi các bị cáo thực hiện.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 106, 136, 260, 290, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo: Danh S, Lê Văn H, Lê Thị E, Phạm Vũ L và Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn H 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.2. Căn cứ khoản 1, Điều 321; Điều 35; Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Danh S số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Vũ L số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 54; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị E số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) theo ủy nhiệm chi ngày 25/6/2020.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) bộ bài Tây 52 lá; 01 (Một) cái chiếu cối;

- Hoàn trả cho bị cáo Danh S: 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Danh S, 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu vàng (không mở được nguồn, không kiểm tra được số imei, không kiểm tra máy).

- Hoàn trả cho bị cáo Lê Văn H: 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn H; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số imei: 35900091354792, không kiểm tra máy. Hoàn trả cho bị cáo Lê Văn H 9.000.000 đồng (theo ủy nhiệm chi ngày 25/6/2020).

- Hoàn trả cho bị cáo Phạm Vũ L 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro màu xám, số imei: 356446108176400915 (không kiểm tra máy).

- Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn D, 01 (Một) giấy phE lái xe tên Nguyễn Văn D và 01 (Một) điện thoại Nokia màu đen, số Imei 356002081459063, không kiểm tra máy.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/6/2020).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo: Danh S, Lê Thị E, Lê Văn H, Phạm Vũ L, Nguyễn Văn D mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND tỉnh Bình Dương (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (1);
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã T (1);
- Công an thị xã T (2);
- Chi cục THADS thị xã T (1);
- Bị cáo (5);
- Lưu: VT, HS. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga